

ĐỀ THI TIẾNG ANH HỌC KÌ 2 LỚP 1 SỐ 1

I. Chọn từ khác loại.

VD. 1. A. ten	B. six	☒ C. family
2. A. one	B. banana	C. two
3. A. Car	B. teddybear	C. run
4. A. father	B. mother	C. robot
5. A. swim	B. sing	C. pencil

II. Nối.

A
1. Ten
2. Car
3. Cat
4. Ear
5. Run

A
1. 
2. 
3. 
4. 
5. 

III. Sắp xếp.

1. car/ This/ my/ is/ .

2. are/How/you/?

3. two/ I/ cars/ have/ .

4. is/This/mother/my/.

5. old/ are/How/ is/ ?

IV. Nhìn và khoanh tròn

1.



A. Thity

B. eighteen

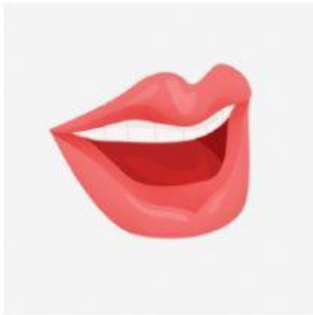
C. Ten

D. Nine



2.

- A. Car
- B. teddybear
- C. robot
- D. kite



3.

- A. ear
- B. mouth
- C. Elephant
- D. ball



4.

- A. hot
- B. sing
- C. run
- D. eat